

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/4/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Chu Hồng Văn;

- Bà Trần Thị Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Giáp Thị D, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Giáp Thị D trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 04/3/2021 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L.

Sau khi cưới, chị và anh T về ở với nhau ngay; anh T về ở rể tại nhà chị. Thời gian đầu chị và anh T sống hạnh phúc và đã có 01 con chung là: Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/01/2022.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị có 1 thửa đất được bố mẹ đẻ chị mua cho trước khi lấy anh T, anh T đòi đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị không đồng ý, dẫn đến mâu thuẫn xảy ra; mặt khác, anh T ở nhà chị, nên có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ngày 30/4/2024 thì chị và anh T sống ly thân. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Toà án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh T có 1 con chung như trình bày ở trên. Ly hôn chị xin nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Do chị và anh T ở với nhau một thời gian ngắn, nên tài sản để chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng.

Sau khi cưới, anh và chị D về ở với nhau ngay, 2 vợ chồng sống cùng gia đình chị D.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh và mẹ chị D không cùng quan điểm sống; chị D lại nghe theo mẹ đẻ, mâu thuẫn gia đình xảy ra; tháng 3-2024 anh về nhà anh ở, 2 vợ chồng sống ly thân. Đã nhiều lần anh gọi điện và đón chị D về đoàn tụ, nhưng mẹ đẻ chị D không cho về. Chị D xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị D có 1 con chung là: Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/01/2022. Chị D xin nuôi con, anh đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Để anh và chị D tự thỏa thuận giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và đều xin vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Áp dụng các Điều: 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Giáp Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/01/2022 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Tú có quyền thăm nom con chung không bị ai cản trở. Anh Tú có trách nhiệm cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho cháu T1 kể từ ngày tuyên án đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Tú phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Giáp Thị D có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và xin nuôi con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị D và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 04/3/2021 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Sau khi kết hôn, anh T về ở tại nhà chị D được một thời gian ngắn thì chị D và anh T thấy cả 2 đều có những điểm không hợp nhau, không quan tâm đến nhau, nên cuối tháng 4/2024 chị D và anh T đã sống ly thân; anh T về nhà bố mẹ ở, hai người không còn quan hệ vợ chồng nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị D và anh T về đoàn tụ. Tuy

nhiên chị D cương quyết xin ly hôn và từ chối hòa giải đoàn tụ; còn anh T vắng mặt và đồng ý ly hôn. Như vậy cả hai đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị D được ly hôn anh T.

[5] Về con chung: Chị D và anh T có 1 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/01/2022. Chị D xin nuôi con, anh T đồng ý để chị D nuôi con chung. Do đó cần giao con Nguyễn Minh T1 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Anh Tú đồng ý việc này. Do đó cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D là 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền thăm con: Anh Tú có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật tổ tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

Anh Tú phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Giáp Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là con Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/01/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Tú có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho Giáp Thị D là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 22/4/2025.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

4. Về án phí:

- Chị Giáp Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004528 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, BG;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh